

Về con chung: Có 03 người con chung, gồm: Huỳnh Vũ Tr (giới tính: Nam), sinh năm 1996; Huỳnh Nhật L1 (giới tính: Nam), sinh năm 2000 và Huỳnh Gia L2

(giới tính: Nữ), sinh năm 2003. Tr và Nhật L1 đã trưởng thành. Bà B1 yêu cầu được nuôi Gia L2, không yêu cầu ông B2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Gồm có 01 căn nhà tiền chế cất trên phần đất 20.000m² tọa lạc tại ấp M, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau, trị giá khoảng 80 triệu đồng; 01 phần đất diện tích 20.000m² tọa lạc tại ấp M, xã Th, huyện Th, tỉnh Cà Mau. Ngoài ra, vợ chồng có chị chồng tên Huỳnh Thúy H mượn 80 triệu đồng. Khi ly hôn, bà B1 yêu cầu bà H trả nợ và phân chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản nợ: Vay Ngân hàng N chi nhánh huyện Thới Bình Cà Mau số tiền 200 triệu đồng. Bà B1 yêu cầu phân chia tài sản nợ theo quy định của pháp luật.

Tại cuộc hòa giải ngày 04/3/2019, bà B1 xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung và tài sản nợ do đã tự thỏa thuận với ông B2

Tại phiên tòa hôm nay: Các đương sự vẫn bảo lưu ý kiến như đã được trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Ngân hàng và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Việc bà B1 xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung và tài sản nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu này của bà B1.

[3] Bà B1 và ông B2 chung sống với nhau từ năm 1996, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ hôn nhân giữa các đương sự.

[4] Các đương sự có 03 người con chung, trong đó có 02 người con tên Vũ Tr và Nhật L1 đã trưởng thành, còn lại người con tên Gia L2 (sinh năm 2003) có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà B1 được quyền tiếp tục nuôi Gia L2. Bà B1 không có yêu cầu ông B2 cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét. Ông B2 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[5] Bà B1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Phần bà B1 tạm ứng án phí được khấu trừ và nhận lại phần chênh lệch.

[6] Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn có mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, khoản 1 điều 228, khoản 2 điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt Ngân hàng N và bà Huỳnh Thúy H.
2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà Lê Ngọc B1 về phân chia tài sản chung và nợ chung.
3. Không công nhận bà Lê Ngọc B1 và ông Huỳnh Công B2 là vợ chồng.
4. Bà B1 được quyền tiếp tục nuôi người con tên Huỳnh Gia L2, sinh ngày 29/11/2003 (giới tính: Nữ). Ông B2 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.
5. Bà B1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Phần bà B1 nộp tạm ứng án phí 4.800.000 đồng theo B2ên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005932 ngày 13/02/2019 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành được khấu trừ và nhận lại 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng).
6. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS nd huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TA nd tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế